

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết về Đề án tiếp tục đổi mới,
nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Cà Mau khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025; Nghị quyết số 114/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031 (Đề án). Cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Thời gian qua, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh đã có nhiều đổi mới, đạt được kết quả quan trọng, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững quốc phòng – an ninh, củng cố hệ thống chính trị. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế nhất định, đó là: chất lượng một số kỳ họp chưa thật sự toàn diện; hoạt động giám sát từng lúc còn dàn trải; tiếp xúc cử tri và theo dõi, đôn đốc giải quyết kiến nghị chưa đồng đều; năng lực, kỹ năng của một số đại biểu còn hạn chế; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa đồng bộ. Những tồn tại, hạn chế này ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn và các mô hình phát triển mới tiếp tục phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực; hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh cần tiếp tục được đổi mới một cách toàn diện, thực chất và hiệu quả hơn. Đồng thời, các chủ trương lớn của Đảng như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị, cùng với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn

bản pháp luật liên quan đã tạo hành lang pháp lý, định hướng rõ ràng cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử.

Trước yêu cầu đó, việc **tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau** là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đồng thời khắc phục những hạn chế, tạo chuyển biến rõ rệt trong hoạt động của Hội đồng nhân dân, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định, phát huy vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo trong hoạt động, nâng cao chất lượng các kỳ họp, hoạt động giám sát và quyết định các biện pháp, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, cùng cả hệ thống chính trị của tỉnh quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 15/4/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Thông báo kết luận số 36/TB-VP, theo đó giao Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031, trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Thực hiện kết luận nêu trên, Ban Pháp chế đã chủ trì soạn thảo, xây dựng Đề án, ngày 15 tháng 6 năm 2026, gửi xin ý kiến đóng góp của Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và cá nhân, Ban Pháp chế đã tổng hợp, nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung (đối với ý kiến góp ý kiến phù hợp) và giải trình, làm rõ những nội dung không tiếp thu. Sau đó hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và Đề án, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua, trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Bố cục

Đề án gồm có 03 phần:

- Phần thứ nhất: Sự cần thiết và căn cứ xây dựng Đề án.
- Phần thứ hai: Thực trạng về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021-2026.
- Phần thứ ba: Nội dung Đề án, gồm các nội dung chính sau:
 - + Phạm vi, đối tượng áp dụng;
 - + Quan điểm, mục tiêu xây dựng Đề án;
 - + Nhiệm vụ và giải pháp;
 - + Nguồn kinh phí;
 - + Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

Đề án đánh giá thực trạng về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021 - 2026; đề ra mục tiêu tổng quát, với 10 mục tiêu cụ thể và 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2026 - 2031 (*Nội dung cụ thể tại Đề án*).

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Kèm theo dự thảo Nghị quyết, Đề án và các văn bản có liên quan*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Phòng CT HĐND;
- Lưu: VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Nhung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 8 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 114/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật
Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát
của Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số/TTr-HĐND ngày ... tháng 8 năm 2026 của Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao
chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI,
nhiệm kỳ 2026 – 2031;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 5 đã thảo luận và
thống nhất.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Đề án tiếp tục đổi mới, nâng
cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI,
nhiệm kỳ 2026 - 2031”.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân,
các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng
Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên
quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031**
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 8 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân; có chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và hoạt động của các cơ quan nhà nước tại địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

Thời gian qua, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh đã có nhiều đổi mới, đạt được kết quả quan trọng, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, củng cố hệ thống chính trị. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế nhất định, đó là: chất lượng một số kỳ họp chưa thật sự toàn diện; hoạt động giám sát từng lúc còn dàn trải; tiếp xúc cử tri và theo dõi, đôn đốc giải quyết kiến nghị chưa đồng đều; năng lực, kỹ năng của một số đại biểu còn hạn chế; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa đồng bộ. Những tồn tại, hạn chế này ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn và các mô hình phát triển mới tiếp tục phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực; hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh cần tiếp tục được đổi mới một cách toàn diện, thực chất và hiệu quả hơn. Đồng thời, các chủ trương lớn của Đảng như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị, cùng với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản pháp luật liên quan đã tạo hành lang pháp lý, định hướng rõ ràng cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử.

Trước yêu cầu đó, việc xây dựng **Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau** là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, tạo chuyển biến rõ rệt trong hoạt động của Hội đồng nhân dân; tiếp tục khẳng định vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, thực sự là nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Chương trình số 42-CTr/TU ngày 17/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

- Chương trình số 48-CTr/TU ngày 17/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới;

- Chương trình số 10-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Chương trình số 11-CTr/TU, ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Nghị quyết số 114/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;
- Các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân.

3. Căn cứ thực tiễn

3.1. Điều kiện tự nhiên và dân số

Tỉnh Cà Mau là vùng đất địa đầu cực Nam của Tổ quốc, nằm trên bán đảo Cà Mau, có diện tích tự nhiên 7.942,38 km²; dân số có 2.606.672 người. Với đặc điểm địa hình là tỉnh đồng bằng, có hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng tràm và có nhiều sông rạch chằng chịt; ba mặt giáp biển, thường xuyên bị ảnh hưởng, tác động lớn của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tỉnh có 64 đơn vị hành chính cấp xã (55 xã, 09 phường). Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động ngày càng hiệu quả, chất lượng. Hiện tại và trong tương lai, Cà Mau có nhiều tiềm năng và lợi thế có thể phát huy, khai thác hiệu quả để đưa kinh tế - xã hội của tỉnh nhà phát triển nhanh, bền vững.

3.2. Về kinh tế - xã hội

Về thực trạng: Đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026, với những khó khăn, thách thức, ảnh hưởng nặng nề từ thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh (đặc biệt là đại dịch Covid-19) đã tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống, sản xuất của người dân, doanh nghiệp trong cả nước và toàn tỉnh. Tuy nhiên, bằng sự quyết tâm, nỗ lực vượt qua khó khăn, sự đoàn kết thống nhất của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Cà Mau đã từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt kết quả khá, bình quân đạt hơn 7%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Các trụ cột kinh tế được triển khai thực hiện, đạt nhiều kết quả.

Khi hợp nhất tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu thành tỉnh Cà Mau, mở rộng không gian phát triển, tạo điều kiện cho quy hoạch và đầu tư đồng bộ hơn; tạo ra các vùng kinh tế quy mô lớn hơn, tăng cường năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư tốt hơn, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng lợi thế sẵn có của các địa phương

để phát triển như: kinh tế hội tụ đầy đủ các ngành, lĩnh vực trọng điểm (nông nghiệp, công nghiệp, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, du lịch, kinh tế biển và hạ tầng đồng bộ), từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện.

Đặc biệt là phát triển kinh tế biển (với chiều dài bờ biển 310 km và vùng biển rộng lớn khoảng 120.000 km²), nông nghiệp là một trong những vựa thủy sản lớn nhất cả nước, nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, theo mô hình kinh tế lớn (diện tích canh tác lúa khoảng 312 ngàn ha; diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 450.900 ha, sản lượng tôm tiếp tục dẫn đầu cả nước khoảng 566.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 2,48 tỷ USD), đảm bảo ngành nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, tránh tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch; xúc tiến thu hút các dự án về năng lượng sạch như: điện gió, điện mặt trời, các dự án hydroxanh, amoniac xanh từ nguồn điện năng lượng tái tạo... hướng tới xuất khẩu điện.

Về một số chỉ tiêu, định hướng lớn trong thời gian tới: Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động và sử dụng có hiệu quả tối đa các nguồn lực đầu tư; đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo cả chiều rộng và sâu; nâng cao năng lực cạnh tranh; chú trọng phát triển kinh tế biển; thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường an sinh xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân.

Tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, nhất là đầu tư hệ thống giao thông tương đối toàn diện, hiện đại, đồng bộ, đảm bảo tính kết nối cao như: sân bay (Cảng hàng không Cà Mau); đường cao tốc (Cần Thơ - Cà Mau, Cà Mau - Đất Mũi, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu); đường Quốc lộ (Quốc lộ 1, Quốc lộ 63, Quản lộ - Phụng Hiệp, đường Hồ Chí Minh, đường Nam sông Hậu, đường Hành lang ven biển phía Nam); đường ven biển (đi qua địa phận Bạc Liêu và Cà Mau); cảng biển (Hòn Khoai và cầu đường kết nối đảo Hòn Khoai); đầu tư hạ tầng nhằm phát huy lợi thế các trung tâm kinh tế biển của tỉnh như: Gành Hào, Sông Đốc, Cái Đôi Vàm, Khánh Hội,...

Giai đoạn 2026 – 2030: phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân 5 năm từ 10% trở lên; bình quân GRDP đầu người đến năm 2030 trên 6.000 USD. Tổng vốn đầu tư xã hội bình quân khoảng 40% GRDP; tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 17 tỷ USD; tổng thu ngân sách ít nhất 75.000 tỷ đồng; đến năm 2030, có khoảng 20.000 doanh nghiệp; tốc độ tăng năng suất lao động đến năm 2030 khoảng 8,0 – 8,5%/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 khoảng 80%; tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 1,0 – 1,5%/năm;...

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU, NHIỆM KỲ 2021 - 2026

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau có 51 đại biểu; tỉnh Bạc Liêu có 50 đại biểu. Khi hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau thành tỉnh Cà Mau, có 80 đại biểu (có 28 đại biểu nữ).

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Thường trực) có 06 thành viên, gồm: Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và Trưởng 02 Ban Hội đồng nhân dân tỉnh (khuyết Trưởng Ban Pháp chế); các thành viên Thường trực đều hoạt động chuyên trách. Hội đồng nhân dân tỉnh có 03 ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội; mỗi Ban có Trưởng Ban và 02 Phó Trưởng Ban hoạt động chuyên trách. Hội đồng nhân dân tỉnh có 16 Tổ đại biểu (mỗi Tổ có từ 03 đến 08 đại biểu) tương ứng với 64 đơn vị hành chính cấp xã trong tỉnh.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính đã tạo ra sự thay đổi lớn về quy mô, không gian phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch hạ tầng, tài nguyên và dân cư rộng hơn. Khối lượng công việc và tính chất phức tạp của các vấn đề kinh tế - xã hội tăng lên, từ đó tác động không nhỏ đến việc tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

1. Công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ họp

Công tác chuẩn bị và tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện chu đáo, chặt chẽ, đúng theo quy định. Thường trực phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động phối hợp và theo dõi, tham gia xuyên suốt quá trình xây dựng dự thảo các văn bản trình kỳ họp; đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan liên quan chuẩn bị các văn bản trình kỳ họp, đảm bảo đúng quy định, nâng cao chất lượng.

Trước kỳ họp, Thường trực đều ban hành kế hoạch tổ chức kỳ họp, phân giao nhiệm vụ và quy định thời gian cụ thể thực hiện các nội dung, công việc của kỳ họp; dự kiến sớm nội dung, chương trình kỳ họp; phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các văn bản theo lĩnh vực phụ trách; tổ chức để đại biểu thảo luận các văn bản trình kỳ họp, tạo điều kiện thuận lợi để đại biểu nghiên cứu tài liệu, tham gia thảo luận, đóng góp nội dung các văn bản.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức 54 kỳ họp¹ để kịp thời quyết định các nội dung phục vụ công tác điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực hiện công tác cán bộ theo thẩm quyền. Việc chuẩn bị các nội dung liên quan đến công tác nhân sự và xây dựng, ban hành các nghị quyết của

¹ Trong đó: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (cũ) tổ chức 21 kỳ họp; Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) tổ chức 27 kỳ họp. Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (sau hợp nhất) tổ chức 06 kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Công tác tuyên truyền cho kỳ họp được thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả.

2. Hoạt động ban hành nghị quyết

Để đảm bảo chất lượng các văn bản trình kỳ họp, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành chức năng chủ động chuẩn bị, thực hiện quy trình, hồ sơ, thủ tục đề trình kỳ họp. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan soạn thảo, tham gia ngay từ đầu quá trình xây dựng dự thảo văn bản; đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ đúng quy định, đúng thời hạn. Công tác thẩm tra được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan, khoa học, phản biện cao, góp phần giúp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị các vấn đề quan trọng một cách toàn diện và hiệu quả.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 770 nghị quyết, gồm 325 nghị quyết quy phạm pháp luật và 445 nghị quyết cá biệt. Các nghị quyết ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo luật định, bảo đảm chất lượng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính khả thi cao, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự địa phương.

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện giám sát qua xem xét các báo cáo và việc trả lời chất vấn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

Tại các kỳ họp, có trên 50 lượt đại biểu chất vấn trên 70 vấn đề đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Giám đốc các sở, ngành tỉnh. Các nội dung chất vấn đều là những vấn đề nóng, bức xúc, được dư luận, đại biểu và cử tri quan tâm, góp phần định hướng, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của địa phương đến cử tri và Nhân dân². Hầu hết các ý kiến đại biểu đặt ra đều được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các ngành có liên quan trả lời, làm rõ, được đại biểu và cử tri đồng tình, đánh giá cao, góp phần nâng cao niềm tin của cử tri đối với người đại biểu nhân dân.

Giám sát qua việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu theo quy định tại Nghị quyết số 96/2023/QH15 của Quốc hội đối với 50 trường hợp, đảm bảo nghiêm túc, đúng nội dung, quy trình, thủ tục được quy định. Hầu hết người được lấy phiếu tín nhiệm đều đạt mức “tín nhiệm cao” ở mức cao và không có trường hợp quá nửa đến 2/3 số phiếu đánh giá “tín nhiệm thấp”.

² Như: Việc thực hiện chuyển đổi số; công tác bảo đảm an ninh trật tự ở nông thôn; phòng, chống vi phạm liên quan đến khai thác thủy, hải sản có tính chất hủy diệt; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; công tác bảo vệ môi trường; phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hành chính trong thực thi nhiệm vụ công vụ...

3.1. Hoạt động giám sát qua thẩm tra

Trong nhiệm kỳ, các Ban đã chủ trì, phối hợp tổ chức trên 150 hội nghị thẩm tra trên 770 dự thảo nghị quyết và trên 270 báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành trình. Qua thẩm tra, các Ban đã thể hiện rõ quan điểm về những nội dung được thống nhất, những vấn đề chưa rõ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật, chưa sát với tình hình thực tế địa phương, yêu cầu cơ quan soạn thảo giải trình, chỉnh sửa, bổ sung nhằm hoàn thiện các văn bản; đề nghị đưa ra những nội dung chưa đảm bảo điều kiện trình kỳ họp; từ đó, cung cấp nhiều thông tin cần thiết, làm cơ sở để đại biểu xem xét, nghiên cứu, thảo luận và quyết định tại kỳ họp.

3.2. Hoạt động giám sát chuyên đề

Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện 101 cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề. Qua các cuộc giám sát, khảo sát, đã có 1.040 kiến nghị đến các ngành, các cấp để chỉ đạo, khắc phục những tồn tại, hạn chế, thúc đẩy thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hoạt động giám sát thường xuyên cũng được Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm thực hiện thông qua nhiều biện pháp, hình thức như: Xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới; các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị hữu quan; qua tiếp xúc cử tri, tiếp công dân; xem xét, xử lý đơn thư và giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cử tri và một số hoạt động khác.

4. Hoạt động tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

4.1. Về hoạt động tiếp xúc cử tri

Thường trực tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp thường lệ. Đã tiếp xúc cử tri 28 đợt; lắng nghe, ghi nhận ý kiến cử tri với trên 6.300 vấn đề trên các lĩnh vực. Hầu hết các ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri đã được đại biểu, lãnh đạo các sở, ngành tỉnh và chính quyền địa phương giải đáp tại chỗ, được cử tri đồng tình cao. Còn lại 450 ý kiến, kiến nghị được Thường trực tổng hợp, chuyển đến Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành chức năng trả lời, giải quyết theo quy định.

4.2. Về hoạt động tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tiếp công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 – 2026; phân công đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh luân phiên tiếp công dân vào thứ Năm hàng tuần tại trụ sở Tiếp công dân

tỉnh. Ngoài ra, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phân công công chức chuyên trách tiếp công dân thường xuyên theo quy định. Ngoài việc tiếp công dân theo sự phân công của Thường trực, một số Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phân công, bố trí thành viên trong tổ luân phiên tiếp công dân mỗi tháng hoặc mỗi quý một lần tại địa bàn nơi ứng cử.

Kết quả, đã tiếp 208 lượt, với 421 công dân (có 06 đoàn đông người), với 211 vụ việc; nhận 1.312 đơn yêu cầu, khiếu nại; đã xử lý 1.312 đơn (tỷ lệ 100%). Trong đó, chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết 404 đơn; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết 02 đơn; trả lời, hướng dẫn 324 đơn; xếp lưu 582 đơn không đủ điều kiện xử lý; đôn đốc, nhắc nhở giải quyết 42 vụ việc. Nhận 479 văn bản trả lời của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

5. Công tác chỉ đạo, điều hòa, phối hợp và các hoạt động khác

Thường trực thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động giữa các Ban và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (Văn phòng); thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan hữu quan; duy trì chế độ hội ý đầu tuần giữa Thường trực với lãnh đạo các Ban và lãnh đạo Văn phòng để chỉ đạo xử lý kịp thời các công việc thường xuyên, đột xuất; đảm bảo các mặt hoạt động giữa Thường trực và các Ban không trùng lặp, phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả.

Thường trực tổ chức trên 70 phiên họp định kỳ hàng tháng và đột xuất, xem xét, thảo luận cho ý kiến xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền; qua đó, đã xem xét, cho ý kiến trên 400 vấn đề do Ủy ban nhân dân tỉnh trình, nhằm phục vụ công tác điều hành phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

Cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện hoạt động được bố trí cơ bản đảm bảo, đáp ứng các yêu cầu trong phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về ưu điểm

Các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh được chú trọng triển khai toàn diện, đồng bộ, đổi mới về hình thức, phương pháp thực hiện; chất lượng ngày càng nâng cao, từng bước khẳng định được vị trí, vai trò và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan dân cử theo quy định của pháp luật.

Sự phối hợp công tác giữa Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đơn vị có liên quan được thực hiện chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng, hiệu quả.

Các kỳ họp, phiên họp được chuẩn bị chu đáo, chất lượng, hiệu quả; việc thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy cơ bản kịp thời. Hoạt động giám sát có trọng tâm, trọng điểm, thể hiện được tinh thần đổi mới, sáng tạo, hành động vì lợi ích người dân.

Công tác thẩm tra được chú trọng, đổi mới về phương pháp để nâng cao chất lượng; hoạt động tiếp công dân, tiếp xúc cử tri được thực hiện linh hoạt; tại nhiều điểm tiếp xúc cử tri, có sự phối hợp giữa đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với đại biểu Quốc hội, góp phần nâng cao chất lượng các buổi tiếp xúc cử tri.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Hoạt động theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị sau giám sát, kết luận các phiên họp Thường trực, thực hiện nội dung chất vấn, việc giải quyết các kiến nghị của cử tri... chưa thật sự quyết liệt và có mặt hiệu quả chưa cao. Từng lúc các cơ quan chức năng chưa tích cực, chủ động thực hiện và báo cáo kết quả theo quy định.

- Tình trạng **chậm trễ gửi hồ sơ, tài liệu, văn bản** phục vụ công tác thẩm tra và phục vụ đại biểu nghiên cứu, thảo luận chưa được khắc phục, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng các kỳ họp. Việc đề xuất xây dựng và trình ban hành một số nghị quyết quy phạm pháp luật còn chậm, ảnh hưởng tiến độ thực thi các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng và ban hành chưa đúng tiến độ theo dự kiến chương trình; chất lượng hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phải sửa đổi, bổ sung sau khi ban hành trong một thời gian ngắn.

- Đối tượng, thành phần tham dự tiếp xúc cử tri một số cuộc chưa thật sự phù hợp, số cử tri là cán bộ, công chức ở cơ sở còn nhiều, cử tri là người dân tham gia quá ít. Chưa tổ chức được các cuộc tiếp xúc cử tri chuyên đề, tiếp xúc theo nhóm cử tri,...

- Kỹ năng, chất lượng, hiệu quả hoạt động của một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chưa cao; một số đại biểu chưa dành thời gian hợp lý để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Ý kiến đề xuất nhóm vấn đề chất vấn và ý kiến thảo luận, chất vấn, tranh luận của đại biểu tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh còn ít.

- Hoạt động của một số Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chưa đều, hiệu quả chưa rõ nét, chưa chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, giám sát chuyên đề trong năm; một số Tổ đại biểu chưa tổ chức tiếp công dân nơi địa bàn ứng cử theo quy định.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của Hội đồng nhân dân còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

Một số nội dung liên quan đến hoạt động Hội đồng nhân dân chưa được Trung ương quy định, hướng dẫn cụ thể, gây lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.

Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nhiều văn bản phải sửa đổi, bổ sung, khối lượng công việc ngày càng nhiều, yêu cầu về tiến độ và chất lượng ngày càng cao, trong khi thời gian triển khai các công việc còn hạn chế. Mặt khác, yêu cầu chuyển đổi số diễn ra nhanh, trong khi nguồn lực thực hiện còn hạn chế.

Một số Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành văn bản quy định, hướng dẫn do Luật, Nghị định giao, từ đó gây khó khăn cho địa phương trong việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện.

Cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân phần lớn là hoạt động kiêm nhiệm, các đại biểu bị chi phối bởi công việc chuyên môn của ngành, ít có thời gian nghiên cứu và tập trung cho hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan:

Chưa có giải pháp chỉ đạo hiệu quả đối với việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát, kết luận các phiên họp, lời hứa qua chất vấn, việc giải quyết các kiến nghị của cử tri; chưa có biện pháp chế tài đối với trường hợp không thực hiện hoặc chậm thực hiện. Chưa xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của đại biểu, Tổ đại biểu và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ý thức trách nhiệm đối với hoạt động Hội đồng nhân dân của một số đại biểu chưa cao; trình độ, năng lực và kinh nghiệm chuyên môn trên một số lĩnh vực của một số đại biểu còn hạn chế, chưa mạnh dạn phát biểu, còn tâm lý nể nang, ngại va chạm trong thảo luận, chất vấn.

Năng lực và trách nhiệm của một số cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu; một số trường hợp tiến độ chậm, chất lượng chưa cao; công tác phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết từng lúc chưa chặt chẽ.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa thật sự hiệu quả; hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế và kỹ năng sử dụng công nghệ của một số đại biểu, cán bộ, công chức chưa đồng đều.

Chưa xây dựng phần mềm hỗ trợ hoạt động Hội đồng nhân dân; chưa có phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu hỗ trợ theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát, kiến nghị cử tri, lời hứa qua chất vấn, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Phần thứ ba NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi của Đề án

Đề án xác định các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Đối tượng áp dụng

Đề án áp dụng thực hiện đối với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Quan điểm xây dựng Đề án

- Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân. Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng thành các cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, khẳng định và phát huy vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về phương thức tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội; đổi mới tư duy xây dựng nghị quyết trong kỷ nguyên mới từ “truyền thống, thụ động” sang tư duy “kiến tạo, phục vụ, chủ động, linh hoạt”. Hội đồng nhân dân tỉnh phải thực sự là cơ quan kiến tạo và giám sát việc thực thi chính sách theo hướng lấy người dân làm trung tâm.

- Việc đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân đảm bảo tính kế thừa và đi vào thực chất, gắn liền với thực tiễn ở địa phương, phù hợp với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; lấy hiệu quả làm thước đo trong hoạt động. Trong đó, chú trọng nâng cao chất lượng tổ chức các phiên họp, kỳ họp,

ban hành nghị quyết, hoạt động giám sát, chất vấn, thẩm tra; tăng cường tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giải quyết kịp thời kiến nghị của Nhân dân.

- Phát huy trí tuệ, trách nhiệm của đại biểu dân cử, gắn đổi mới phương thức làm việc với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tổ chức phiên họp, kỳ họp “không giấy”, hiện đại hóa quản lý và giám sát.

- Các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh phải gắn chặt với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập.

2. Mục tiêu của Đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định, phát huy vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo trong hoạt động, nâng cao chất lượng các kỳ họp, hoạt động giám sát và quyết định các biện pháp, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, cùng cả hệ thống chính trị của tỉnh quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- 100% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng hoạt động, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu; được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo.

- 100% kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh (cả thường lệ và chuyên đề) đều được thực hiện chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Trong nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức ít nhất 03 cuộc giám sát chuyên đề.

- Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức ít nhất 07 cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề; tổ chức ít nhất 03 phiên chất vấn hoặc phiên giải trình.

- Trong nhiệm kỳ, mỗi Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức ít nhất 07 cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề; mỗi Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức ít nhất 03 cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề.

- Trong nhiệm kỳ: 90% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia ý kiến tại các phiên thảo luận; ít nhất 40% đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chất

vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc phiên chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Trong nhiệm kỳ: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức ít nhất 02 cuộc tiếp xúc cử tri chuyên đề; 100% ý kiến, kiến nghị của cử tri được tổng hợp, phân loại, chuyển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và theo dõi, đôn đốc, giám sát kết quả giải quyết.

- 100% các kết luận, kiến nghị giám sát được thống kê, theo dõi, đôn đốc, giám sát kết quả thực hiện.

- 100% đơn thư thuộc thẩm quyền được xem xét, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định và theo dõi, đôn đốc kết quả giải quyết.

- 100% các văn bản, tài liệu thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện trên môi trường điện tử, số hóa theo quy định (trừ những văn bản, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, hiện đại, bám sát thực tiễn và yêu cầu phát triển của địa phương; phát huy đầy đủ vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân.

- Nâng cao chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng chuẩn bị từ sớm, từ xa, bảo đảm khoa học, chặt chẽ, thực chất; tăng cường thảo luận, tranh luận, chất vấn, giải trình; nâng cao chất lượng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trình đối với việc chậm gửi hồ sơ, tài liệu; xem đây là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của từng cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm tra và ban hành nghị quyết; kịp thời thể chế hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành các cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, khả thi và hiệu quả. Chú trọng khảo sát thực tế, đánh giá tác động chính sách, phát huy vai trò tư vấn, phản biện của các chuyên gia, nhà khoa học và đối tượng chịu tác động. Tổ chức hội thảo, tọa đàm, tham vấn chính sách đối với những nội dung quan trọng, phức tạp trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách có tính đột phá nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng chính quyền địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

2. Nâng cao chất lượng hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tiếp tục phát huy vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc giữa hai kỳ họp.

- Đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân theo hướng thiết thực, hiệu quả; tăng cường hoạt động giải trình, chất vấn giữa hai kỳ họp đối với các vấn đề được cử tri, Nhân dân quan tâm.

- Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm tra, khảo sát, giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; phát huy vai trò phản biện, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển địa phương.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các chuyên gia, nhà khoa học trong nghiên cứu, thẩm tra, giám sát và đề xuất chính sách.

- Nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các kết luận, kiến nghị sau giám sát, chất vấn và giải trình.

- Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm, đặc biệt là những mô hình, cách làm hay mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động Hội đồng nhân dân.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, trách nhiệm, trình độ, kỹ năng và hiệu quả hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đại biểu dân cử trong thực hiện chức năng quyết định, giám sát và đại diện cho cử tri, Nhân dân.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ đại biểu (hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân,..); tăng cường nắm bắt tình hình thực tiễn, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và các vấn đề phát sinh từ cơ sở.

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động dân cử, kỹ năng giám sát, chất vấn, phân tích chính sách, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và ứng dụng công nghệ số cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của đại biểu và Tổ đại biểu; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong hoạt động dân cử.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tiếp tục đổi mới hoạt động giám sát theo hướng thực chất, hiệu lực, hiệu quả; lựa chọn đúng và trúng các vấn đề trọng tâm, những lĩnh vực còn khó khăn, hạn chế trong quản lý nhà nước, những vấn đề được cử tri và Nhân dân quan tâm để đưa vào chương trình giám sát.

- Đổi mới phương thức tổ chức giám sát theo hướng tăng cường khảo sát thực tế, đối thoại, giải trình, chất vấn; kết hợp chặt chẽ giữa giám sát chuyên đề, giám sát thường xuyên và giám sát thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân.

- Tập trung giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các chủ trương, chính sách lớn của tỉnh; tăng cường giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; trách nhiệm người đứng đầu; quản lý đất đai, đầu tư công, ngân sách, tài sản công và việc thực thi công vụ của công chức tại các cơ quan, đơn vị; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân và các vấn đề nổi lên từ thực tiễn.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, tái giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát; nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu quả khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau giám sát; định kỳ hằng quý rà soát, công khai kết quả thực hiện; tổ chức tái giám sát đối với các nội dung chậm thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ.

5. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và giải quyết kiến nghị của cử tri

- Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tiếp xúc cử tri theo hướng linh hoạt, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu thực tiễn của địa phương; tiếp xúc cử tri trực tiếp kết hợp trực tuyến; tăng cường tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực và nhóm đối tượng (khu công nghiệp, doanh nghiệp thủy sản,...).

- Nâng cao chất lượng công tác tổng hợp, phân loại, chuyển và theo dõi việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; bảo đảm các kiến nghị được xem xét, giải quyết, trả lời kịp thời, đúng quy định.

- Tăng cường trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân trong hoạt động tiếp công dân; nâng cao hiệu quả giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến

ngợi, phản ánh của công dân; góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và tăng cường các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức phiên họp, kỳ họp “không giấy”; đăng ký thảo luận, chất vấn, biểu quyết điện tử; tổ chức kỳ họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

- Xây dựng nền tảng số phục vụ hoạt động kỳ họp, giám sát, chất vấn, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và quản lý, điều hành công việc. Xây dựng và vận hành hệ thống Bản đồ số giám sát kiến nghị cử tri và lời hứa qua chất vấn.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan trong hệ thống chính trị; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu, tham mưu chính sách và hoạt động thẩm tra, giám sát.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tham mưu, giúp việc; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng chuyển đổi số; đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và bảo đảm nguồn lực phục vụ hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án, gồm: Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí thực hiện đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (phần mềm biểu quyết điện tử, cơ sở dữ liệu giám sát, kiến nghị cử tri, trang thiết bị phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,...); kinh phí đi học tập kinh nghiệm, tập huấn, bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí đầu tư, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất.

2. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện Đề án do Ngân sách nhà nước cấp tỉnh bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch đề cụ thể hóa, triển khai thực hiện Đề án (trong đó, xác định rõ nội dung, lộ trình,

phân công trách nhiệm cơ quan, tổ chức thực hiện; sản phẩm của từng nội dung thực hiện).

- Định kỳ kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh (năm 2028 tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện; năm 2031 tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án, rút kinh nghiệm và xây dựng định hướng cho giai đoạn tiếp theo).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện tốt Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau, nhiệm kỳ 2026 – 2031; phối hợp và tạo điều kiện để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp, nghiên cứu, đề xuất phương án chuẩn bị nguồn lực bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Đề án đề ra; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện “Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031”;

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh chủ động phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong công tác chuẩn bị nội dung các kỳ họp, phiên họp, hội nghị thẩm tra; hoạt động giám sát, khảo sát; hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và giải quyết kiến nghị của cử tri;...

- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

3. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại mục 1 phần V Đề án này.

- Chủ trì tham mưu về kinh phí, cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu của Đề án.

- Theo dõi, định kỳ hàng năm báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện Đề án; tham mưu, đề xuất Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Đề án (nếu cần thiết)./.